

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.261.000
1	Thu nội địa	2.066.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	195.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	23.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	42.300
1	Vay để bù đắp bội chi	23.400
2	Vay để trả nợ gốc	18.900
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.689.281
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	17.301.952
1	Bổ sung cân đối ngân sách	10.311.850
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	3.468.077
3	Bổ sung có mục tiêu	3.522.025
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	19.211.306
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	18.754

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.841.000
1	Thu nội địa	3.786.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	55.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	4.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	10.000
1	Vay để bù đắp bội chi	4.900
2	Vay để trả nợ gốc	5.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.282.366
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.701.698
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.909.884
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.748.410
3	Bổ sung có mục tiêu	3.043.404
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	14.325.770
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	83.272

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.966.000
1	Thu nội địa	1.286.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	680.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	20.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	2.600
1	Vay để trả nợ gốc	2.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	10.967.706
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.729.512
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.793.101
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.009.781
3	Bổ sung có mục tiêu	3.926.630
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	14.894.336
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	30.564

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.100.000
1	Thu nội địa	2.650.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	6.450.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	25.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	35.400
1	Vay để bù đắp bội chi	25.300
2	Vay để trả nợ gốc	10.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.464.235
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	15.387.945
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.319.216
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.679.327
3	Bổ sung có mục tiêu	4.389.402
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	17.853.637
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	8.792

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.818.000
1	Thu nội địa	8.568.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.250.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	12.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	30.000
1	Vay để trả nợ gốc	30.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	16.261.161
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.880.637
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.714.839
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.849.331
3	Bổ sung có mục tiêu	2.316.467
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	18.577.628
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	558.691

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.738.000
1	Thu nội địa	3.288.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	450.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	72.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	100.100
1	Vay để bù đắp bội chi	72.100
2	Vay để trả nợ gốc	28.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.816.428
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.054.709
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.702.022
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.956.906
3	Bổ sung có mục tiêu	2.395.781
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	14.212.209

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

S/TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	22.230.000
1	Thu nội địa	19.530.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	333.660
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	96
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	36.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	50.000
1	Vay để trả nợ gốc	50.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	16.511.296
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.246.974
1	Bổ sung có mục tiêu	1.246.974
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	17.758.270
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	989.956

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	943.200
1	Thu nội địa	898.200
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	45.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	6.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	16.000
1	Vay để bù đắp bội chi	6.000
2	Vay để trả nợ gốc	10.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	6.186.163
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.309.643
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.141.241
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.216.282
3	Bổ sung có mục tiêu	1.952.120
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	8.138.283
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	12.040

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.791.000
1	Thu nội địa	7.241.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	550.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	17.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	5.800
1	Vay để trả nợ gốc	5.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	15.998.272
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.008.487
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.792.004
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.413.805
3	Bổ sung có mục tiêu	1.802.678
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	17.800.950
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	308.353

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	18.143.000
1	Thu nội địa	15.793.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.350.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	34.300
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	22.462.655
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.252.387
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.282.661
2	Bổ sung có mục tiêu	969.726
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	23.432.381
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	1.960.294

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.580.000
1	Thu nội địa	5.300.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	280.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	3.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	23.400
1	Vay để bù đắp bội chi	3.100
2	Vay để trả nợ gốc	20.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.979.154
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.751.482
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.435.936
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.057.380
3	Bổ sung có mục tiêu	7.258.166
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	22.237.320
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	566.838

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

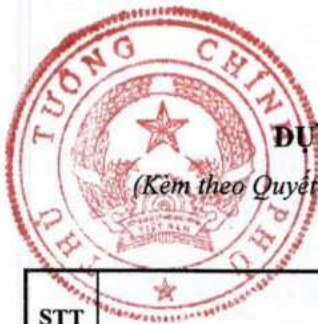
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.143.000
1	Thu nội địa	4.138.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	1.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	8.000
1	Vay để trả nợ gốc	8.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	16.625.278
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.809.777
1	Bổ sung cân đối ngân sách	9.623.816
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	3.172.872
3	Bổ sung có mục tiêu	4.013.089
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.638.367

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.020.000
1	Thu nội địa	2.000.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	20.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	7.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	10.000
1	Vay để bù đắp bội chi	7.200
2	Vay để trả nợ gốc	2.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	8.598.933
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.102.784
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.089.542
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.657.991
3	Bổ sung có mục tiêu	3.355.251
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	11.954.184

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.275.000
1	Thu nội địa	1.260.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	55.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	65.000
1	Vay để bù đắp bội chi	55.200
2	Vay để trả nợ gốc	9.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.424.897
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.387.527
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.906.984
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.313.595
3	Bổ sung có mục tiêu	3.166.948
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	14.591.845
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.518

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	505.420.000
1	Thu nội địa	473.900.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	180.323.706
2	Thu từ dầu thô	4.200.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	27.320.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	32
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	134.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	429.000
1	Vay để trả nợ gốc	429.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội thu ngân sách địa phương)	148.606.999
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	14.790.300
1	Bổ sung có mục tiêu	14.790.300
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	163.397.299

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	113.700.000
1	Thu nội địa	51.000.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	5.526.960
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	62.700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	76
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	2.691.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	2.745.100
1	Vay để bù đắp bội chi	2.691.400
2	Vay để trả nợ gốc	53.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	44.988.385
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	589.751
1	Bổ sung có mục tiêu	589.751
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	45.578.136
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	282.445

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

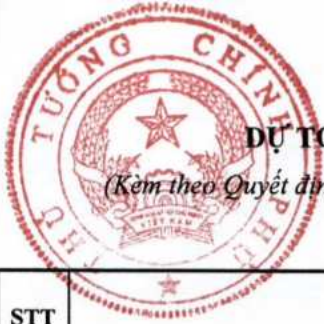
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	55.366.000
1	Thu nội địa	37.566.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	8.386.350
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17.800.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	51
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	37.800
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	29.392.157
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.039.764
1	Bổ sung có mục tiêu	2.039.764
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	31.431.921
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	3.061.907

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	27.580.000
1	Thu nội địa	23.680.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	255.896
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.900.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	190.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	261.700
1	Vay để bù đắp bội chi	190.100
2	Vay để trả nợ gốc	71.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	23.432.979
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.603.395
1	Bổ sung có mục tiêu	1.603.395
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	25.036.374
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	798.815

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	44.923.000
1	Thu nội địa	40.623.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	226.570
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	4.300.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	25.600
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	40.221.901
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	443.407
1	Bổ sung có mục tiêu	443.407
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	40.665.308
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	288.221

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	27.026.000
1	Thu nội địa	22.026.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	6.049.960
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	66
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	166.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	154.000
1	Vay để trả nợ gốc	154.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	16.637.053
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.545.217
1	Bổ sung có mục tiêu	3.545.217
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.182.270
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	2.288.713

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	38.691.000
1	Thu nội địa	30.041.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	6.139.590
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	8.650.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	71
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	992.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.000.000
1	Vay để bù đắp bội chi	992.200
2	Vay để trả nợ gốc	7.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	21.507.649
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	865.103
1	Bổ sung có mục tiêu	865.103
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	22.372.752
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	673.264

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	20.965.000
1	Thu nội địa	19.365.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.600.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	32.000
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	20.340.529
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	452.572
1	Bổ sung cân đối ngân sách	305.485
2	Bổ sung có mục tiêu	147.087
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.487.616
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	1.015.644

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	11.430.000
1	Thu nội địa	10.880.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	550.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	24.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.500
1	Vay để trả nợ gốc	1.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	21.796.661
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.356.687
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.499.654
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.609.186
3	Bổ sung có mục tiêu	1.247.847
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	23.044.508
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	264.856

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	19.106.800
1	Thu nội địa	15.256.800
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	1.202.146
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.850.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	89
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	15.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	44.400
1	Vay để bù đắp bội chi	15.800
2	Vay để trả nợ gốc	28.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.358.047
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.600.727
1	Bổ sung có mục tiêu	3.600.727
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	18.958.774
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.580.283

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.483.000
1	Thu nội địa	9.383.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.100.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	18.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	55.900
1	Vay để bù đắp bội chi	18.200
2	Vay để trả nợ gốc	37.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	18.000.871
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.288.244
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.386.929
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	3.603.442
3	Bổ sung có mục tiêu	3.297.873
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	21.298.744

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	44.268.000
1	Thu nội địa	26.268.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (1)	18.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (2)	300.400
IV	Tổng số vay trong năm (3)	346.600
1	Vay để bù đắp bội chi	300.400
2	Vay để trả nợ gốc	46.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	45.687.434
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	22.671.754
1	Bổ sung cân đối ngân sách	14.822.515
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (4)	3.484.146
3	Bổ sung có mục tiêu	4.365.093
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	50.052.527
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (4)	2.719.253

Ghi chú:

(1) Trong đó dự toán số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển Nghi Sơn là 16.200.000 triệu đồng; dự toán hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để đầu tư hình thành tài sản cố định hoặc để sản xuất hàng hóa nhập khẩu qua cảng biển Nghi Sơn là 1.920.942 triệu đồng.

(2) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(3) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

(4) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	17.646.000
1	Thu nội địa	16.016.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.630.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	325.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	375.300
1	Vay để bù đắp bội chi	325.600
2	Vay để trả nợ gốc	49.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	36.735.200
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	25.800.291
1	Bổ sung cân đối ngân sách	15.646.275
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	4.978.317
3	Bổ sung có mục tiêu	5.175.699
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	41.910.899
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	646.408

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	16.130.000
1	Thu nội địa	7.170.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	8.960.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	383.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	426.500
1	Vay để bù đắp bội chi	383.200
2	Vay để trả nợ gốc	43.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	17.756.103
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.623.233
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.202.660
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.525.193
3	Bổ sung có mục tiêu	2.895.380
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.651.483
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.170.900

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.505.000
1	Thu nội địa	5.055.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.450.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	252.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	346.000
1	Vay để bù đắp bội chi	252.100
2	Vay để trả nợ gốc	93.900
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	12.181.856
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.226.145
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.962.003
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.204.312
3	Bổ sung có mục tiêu	3.059.830
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	15.241.686
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	12.891

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.651.000
1	Thu nội địa	3.551.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.100.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	156.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	184.900
1	Vay để bù đắp bội chi	156.900
2	Vay để trả nợ gốc	28.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	9.167.412
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.111.463
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.126.751
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.542.841
3	Bổ sung có mục tiêu	3.441.871
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	12.609.283
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	65.520

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.338.000
1	Thu nội địa	11.288.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.050.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	70.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	150.000
1	Vay để bù đắp bội chi	70.300
2	Vay để trả nợ gốc	79.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.010.554
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.046.330
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.872.231
2	Bổ sung có mục tiêu	1.174.099
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	15.184.653
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.272.723

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	25.655.000
1	Thu nội địa	22.295.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	2.593.605
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.360.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	83
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	97.100
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	18.055.095
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.962.057
1	Bổ sung có mục tiêu	1.962.057
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.017.152

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	23.178.000
1	Thu nội địa	18.978.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	2.526.624
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	4.200.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	82
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	377.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	465.300
1	Vay để bù đắp bội chi	377.000
2	Vay để trả nợ gốc	88.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	19.043.973
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.223.091
1	Bổ sung có mục tiêu	4.223.091
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	23.267.064
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	2.888.997

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	31.950.000
1	Thu nội địa	19.350.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	1.130.808
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	12.600.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	93
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	16.700
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	17.541.092
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.192.529
1	Bổ sung có mục tiêu	1.192.529
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	18.733.621

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	14.408.000
1	Thu nội địa	13.603.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	805.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	93.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	127.100
1	Vay để bù đắp bội chi	93.000
2	Vay để trả nợ gốc	34.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	18.793.185
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.912.180
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.730.022
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.874.283
3	Bổ sung có mục tiêu	2.307.875
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	21.101.060
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	58.380

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.540.000
1	Thu nội địa	5.460.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	80.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	122.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	124.000
1	Vay để bù đắp bội chi	122.700
2	Vay để trả nợ gốc	1.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.694.015
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.801.719
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.147.794
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	498.088
3	Bổ sung có mục tiêu	2.155.837
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	12.849.852
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	831.033

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	23.659.000
1	Thu nội địa	21.009.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	1.170.300
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.650.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	90
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	1.383.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.430.000
1	Vay để bù đắp bội chi	1.383.700
2	Vay để trả nợ gốc	46.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	20.232.600
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.448.725
1	Bổ sung có mục tiêu	2.448.725
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	22.681.325

Ghi chú:

(1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.320.000
1	Thu nội địa	4.260.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	60.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	157.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	191.600
1	Vay để bù đắp bội chi	157.300
2	Vay để trả nợ gốc	34.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	6.434.334
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.307.060
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.604.909
2	Bổ sung có mục tiêu	1.702.151
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	8.136.485
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	757.415

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.259.600
1	Thu nội địa	9.159.600
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.100.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	21.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	35.000
1	Vay để bù đắp bội chi	21.600
2	Vay để trả nợ gốc	13.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.397.191
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.873.389
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.120.914
2	Bổ sung có mục tiêu	1.752.475
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	15.149.666
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	2.603.077

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.858.000
1	Thu nội địa	7.783.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	75.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	77.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	92.200
1	Vay để bù đắp bội chi	77.600
2	Vay để trả nợ gốc	14.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính cả số bội chi ngân sách địa phương)	21.033.143
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	19.151.074
1	Bổ sung cân đối ngân sách	10.147.629
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	3.265.370
3	Bổ sung có mục tiêu	5.738.075
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	26.771.218
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	241.954

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.846.000
1	Thu nội địa	2.702.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	144.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	48.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	61.400
1	Vay để bù đắp bội chi	48.800
2	Vay để trả nợ gốc	12.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	7.379.022
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.930.232
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.506.336
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.350.306
3	Bổ sung có mục tiêu	3.073.590
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	10.452.612

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.252.000
1	Thu nội địa	6.222.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	30.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	104.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	114.100
1	Vay để bù đắp bội chi	104.200
2	Vay để trả nợ gốc	9.900
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.715.332
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.542.750
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.597.872
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.084.948
3	Bổ sung có mục tiêu	2.859.930
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	18.575.262
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	273.412

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.286.000
1	Thu nội địa	2.966.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	320.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	7.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	17.100
1	Vay để bù đắp bội chi	7.400
2	Vay để trả nợ gốc	9.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	8.121.024
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.338.605
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.793.973
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.589.453
3	Bổ sung có mục tiêu	1.955.179
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	10.076.203
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	698

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	13.665.000
1	Thu nội địa	13.384.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	281.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	5.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	11.200
1	Vay để bù đắp bội chi	5.700
2	Vay để trả nợ gốc	5.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	17.428.477
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.803.938
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.722.829
2	Bổ sung có mục tiêu	2.081.109
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	19.509.586
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.950.748

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	506.670.000
1	Thu nội địa	358.670.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	217.547.040
2	Thu từ dầu thô	18.000.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	130.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	21
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	16.361.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	16.867.700
1	Vay để bù đắp bội chi	16.361.800
2	Vay để trả nợ gốc	505.900
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	135.875.844
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.645.254
1	Bổ sung có mục tiêu	3.645.254
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	139.521.098
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	3.466.484

Ghi chú:

(1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	60.080.000
1	Thu nội địa	40.080.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	14.791.500
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	20.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	50
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	2.000.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	2.000.000
1	Vay để bù đắp bội chi	2.000.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	28.266.073
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.206.585
1	Bổ sung có mục tiêu	5.206.585
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	33.472.658
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	2.419.573

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	72.130.000
1	Thu nội địa	53.930.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	25.886.790
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	18.200.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	33
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	903.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	995.800
1	Vay để bù đắp bội chi	903.200
2	Vay để trả nợ gốc	92.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	25.960.110
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.377.627
1	Bổ sung có mục tiêu	3.377.627
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	29.337.737

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.349.000
1	Thu nội địa	8.799.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.550.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	41.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	50.000
1	Vay để bù đắp bội chi	41.400
2	Vay để trả nợ gốc	8.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	11.909.294
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.365.750
1	Bổ sung cân đối ngân sách	891.697
2	Bổ sung có mục tiêu	3.474.053
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	15.383.347
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	2.587.197

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	13.158.000
1	Thu nội địa	11.458.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	21.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	28.000
1	Vay để bù đắp bội chi	21.400
2	Vay để trả nợ gốc	6.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	12.114.387
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.076.705
1	Bổ sung cân đối ngân sách	473.949
2	Bổ sung có mục tiêu	602.756
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	12.717.143
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.055.538

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	92.770.000
1	Thu nội địa	40.270.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	13.788.000
2	Thu từ dầu thô	31.000.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	21.500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	52
III	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	22.838.396
IV	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.848.184
1	Bổ sung có mục tiêu	3.848.184
V	Dự toán chi ngân sách địa phương	26.686.580
VI	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (1)	869.286

Ghi chú:

(1) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	24.055.000
1	Thu nội địa	19.905.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	551.795
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	4.150.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	95
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	14.600
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	20.334.286
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.801.573
1	Bổ sung có mục tiêu	1.801.573
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	22.135.859
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	1.578.071

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.590.000
1	Thu nội địa	10.270.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	320.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	700
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	13.689.681
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.663.808
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.819.782
2	Bổ sung có mục tiêu	2.844.026
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	16.533.707
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	1.336.209

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.380.000
1	Thu nội địa	6.300.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	80.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	43.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	59.800
1	Vay để bù đắp bội chi	43.700
2	Vay để trả nợ gốc	16.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	12.297.883
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.629.201
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.536.853
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.250.469
3	Bổ sung có mục tiêu	4.841.879
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	17.139.762
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	511.611

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	8.145.000
1	Thu nội địa	6.682.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.463.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	64.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	69.000
1	Vay để bù đắp bội chi	64.700
2	Vay để trả nợ gốc	4.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.688.166
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.886.643
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.744.584
2	Bổ sung có mục tiêu	1.142.059
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	12.830.225
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.481.827

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.868.000
1	Thu nội địa	6.732.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	136.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	638.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	650.000
1	Vay để bù đắp bội chi	638.300
2	Vay để trả nợ gốc	11.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.695.220
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.048.176
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.291.501
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.329.899
3	Bổ sung có mục tiêu	2.426.776
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	14.121.996
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	100.520

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.362.000
1	Thu nội địa	12.082.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	280.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	884.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.000.000
1	Vay để bù đắp bội chi	884.500
2	Vay để trả nợ gốc	115.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.388.680
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.006.762
1	Bổ sung cân đối ngân sách	831.915
2	Bổ sung có mục tiêu	3.174.847
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	17.563.527
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.414.975

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.261.000
1	Thu nội địa	6.125.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	136.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	103.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	117.100
1	Vay để bù đắp bội chi	103.600
2	Vay để trả nợ gốc	13.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	9.176.234
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.666.497
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.851.555
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.403.777
3	Bổ sung có mục tiêu	2.411.165
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	11.587.399
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	8.706

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.130.000
1	Thu nội địa	5.730.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	400.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	4.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	21.400
1	Vay để bù đắp bội chi	4.900
2	Vay để trả nợ gốc	16.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.074.981
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.724.581
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.085.625
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	426.715
3	Bổ sung có mục tiêu	5.212.241
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	19.287.222
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.093.021

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.680.000
1	Thu nội địa	7.220.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	460.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	105.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	129.100
1	Vay để bù đắp bội chi	105.700
2	Vay để trả nợ gốc	23.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	18.289.917
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.504.270
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.992.422
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	2.399.395
3	Bổ sung có mục tiêu	5.112.453
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	23.402.370
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	64.400

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
 (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.064.000
1	Thu nội địa	9.564.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	186.700
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	17.358.348
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.903.075
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.749.488
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (2)	2.116.595
3	Bổ sung có mục tiêu	3.036.992
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	20.395.340

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

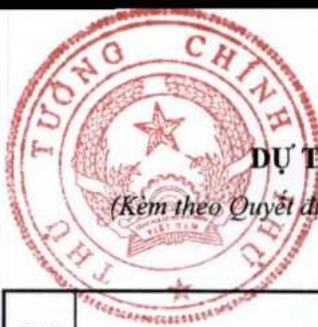
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.022.000
1	Thu nội địa	14.922.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	100.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	101.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	115.000
1	Vay để bù đắp bội chi	101.500
2	Vay để trả nợ gốc	13.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	19.790.681
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.307.477
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.294.189
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	663.231
3	Bổ sung có mục tiêu	3.350.057
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	23.140.738
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.236.001

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

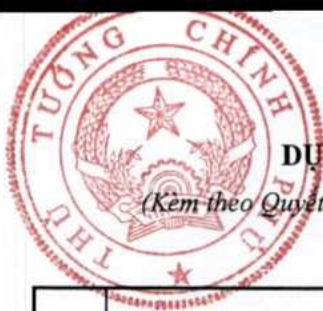
(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.381.700
1	Thu nội địa	4.286.700
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	95.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	22.700
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	8.330.016
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.158.333
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.270.731
2	Bổ sung có mục tiêu	1.887.602
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương	10.217.618
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	1.039.237

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.986.000
1	Thu nội địa	5.766.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	220.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	12.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	31.500
1	Vay để bù đắp bội chi	12.900
2	Vay để trả nợ gốc	18.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	12.719.172
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.137.900
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.731.395
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng (3)	1.532.199
3	Bổ sung có mục tiêu	3.874.306
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương	16.593.478
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	69.468

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.